

## TRUYỀN THỐNG “PHỤNG ĐẠO YÊU NƯỚC, HỘ QUỐC AN DÂN, ĐỒNG HÀNH CÙNG DÂN TỘC” CỦA PHẬT GIÁO THỜI LÝ – TRẦN

Trần Đăng Sinh<sup>1\*</sup>, Đỗ Anh Tuấn<sup>2</sup> và Nguyễn Khả Bắc<sup>3</sup>

<sup>1</sup>Hội Triết học Việt Nam

<sup>2</sup>Học viện Phòng không – Không quân

<sup>3</sup>Trường Cao đẳng FPT Polytechnic

\* Email: [trandangsinh53@gmail.com](mailto:trandangsinh53@gmail.com)

Ngày nhận bài: 14/01/2024

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 27/02/2024

Ngày chấp nhận đăng: 10/3/2024

### TÓM TẮT

“Phụng đạo yêu nước, hộ quốc an dân, đồng hành cùng dân tộc” là truyền thống của Phật giáo thời Lý – Trần, được hình thành ngay từ khi du nhập vào Giao Châu do đã sớm thích nghi với hoàn cảnh khách quan và có sẵn điều kiện chủ quan. Truyền thống ấy được thể hiện khá tập trung vào thời Lý – Trần với những biểu hiện trong hoạt động tu tập, hoằng pháp, trong hoạt động chính trị, ngoại giao, văn hóa của Giáo hội và Phật tử, đã góp phần xây dựng và phát triển quốc gia phong kiến độc lập, tự chủ, tạo ra một thời kì phát triển mới của văn hóa Đại Việt – văn hóa Lý – Trần. Phát huy truyền thống “Phụng đạo yêu nước, hộ quốc an dân” của Phật giáo thời Lý – Trần, Giáo hội Phật giáo Việt Nam với đường hướng “Đạo pháp – Dân tộc và Chủ nghĩa xã hội” đang góp phần không nhỏ vào sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước hiện nay.

**Từ khóa:** hộ quốc an dân, Phật giáo thời Lý – Trần, phụng đạo yêu nước.

### THE TRADITION OF “SERVE BUDDHISM AND ENHANCE PATRIOTISM, PROTECT THE COUNTRY AND REASSURE THE PEOPLE, ACCOMPANY THE NATION” IN BUDDHISM DURING THE LY – TRAN DYNASTIES

#### ABSTRACT

“Serve Buddhism and enhance patriotism, protect the country and reassure the people, accompany the nation” is a tradition in Buddhism during the Ly – Tran dynasties. Its formation can be traced back to the period that Buddhism was introduced to Giao Chau, due to early adaptation to objective situations and subjective available conditions. That tradition flourished mainly in the Ly – Tran dynasties with manifestations in gathering activities, propagation of Buddhism, political, diplomatic, and cultural activities of the Buddhist Sangha and the Buddhists, contributing to forming and developing an independent and autonomous feudal nation, creating a golden age of Dai Viet culture: Ly – Tran culture. By promoting the tradition of “serve Buddhism and enhance patriotism, protect the country and reassure the people, accompany the nation” in Buddhism in the Ly – Tran dynasties, the Vietnam Buddhist Sangha with the guideline “Dharma – Nation – Socialism” is contributing significantly to the construction and development of the nation nowadays.

**Keywords:** Buddhism in the Ly – Tran dynasties, serve Buddhism and enhance patriotism, protect the country and reassure the people.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phật giáo từ khi du nhập vào Việt Nam đã có đóng góp quan trọng cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Lịch sử Phật giáo trở thành một bộ phận của lịch sử dân tộc bởi Phật giáo Việt Nam có truyền thống “Phụng đạo yêu nước, hộ quốc an dân, đồng hành cùng dân tộc”. Truyền thống ấy được biểu hiện tập trung vào thời Lý – Trần, thời kì phát triển đỉnh cao của Phật giáo Việt Nam trong lịch sử.

Đảng ta, trong Văn kiện Đại hội lần thứ XIII, nhấn mạnh: “Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, bảo đảm vừa phát huy những giá trị tốt đẹp của dân tộc, vừa tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại tạo động lực phát triển kinh tế – xã hội và hội nhập quốc tế” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021). Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng cũng khẳng định: “Đứng trước thời cơ và thách thức mới, yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng nước ta là phải tiếp tục xây dựng, giữ gìn và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thực sự là “nền tảng tinh thần”, “động lực phát triển” và “soi đường cho quốc dân đi...” (Nguyễn Phú Trọng, 2022).

Truyền thống “Phụng đạo yêu nước, hộ quốc an dân, đồng hành cùng dân tộc” của Phật giáo thời Lý – Trần không chỉ là truyền thống lịch sử của Phật giáo Việt Nam mà còn là một thành tố của văn hóa truyền thống. Do vậy, thực sự cần thiết phải trở lại nghiên cứu, làm rõ cơ sở khách quan và điều kiện chủ quan của sự hình thành, biểu hiện của truyền thống “Phụng đạo yêu nước, hộ quốc an dân, đồng hành cùng dân tộc” của Phật giáo Việt Nam thời Lý – Trần trong bối cảnh hiện nay, cùng với việc Giáo hội Phật giáo Việt Nam với đường hướng “Đạo pháp – Dân tộc và Chủ nghĩa xã hội” đã và đang có những đóng góp không nhỏ vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Tác giả bài viết sử dụng phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của triết học Mác – Lênin vào việc nghiên cứu làm sáng tỏ cơ sở khách quan và điều kiện chủ quan của sự hình thành truyền thống “Phụng đạo yêu

nước, hộ quốc an dân, đồng hành cùng dân tộc” của Phật giáo Việt Nam thời Lý – Trần. Đồng thời, tác giả còn sử dụng phương pháp phân tích – tổng hợp, logic – lịch sử, so sánh, thu thập và xử lý tài liệu, văn bản học,... để làm sáng tỏ biểu hiện của truyền thống “Phụng đạo yêu nước, hộ quốc an dân, đồng hành cùng dân tộc” của Phật giáo Việt Nam thời Lý – Trần.

## 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 3.1. Truyền thống “Phụng đạo yêu nước, hộ quốc an dân, đồng hành cùng dân tộc” của Phật giáo Việt Nam thời Lý – Trần

Phật giáo với tư cách là một tôn giáo do Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni sáng lập ở Ấn Độ vào khoảng thế kỉ thứ VI trước Công nguyên, cũng giống như các tôn giáo khác, Phật giáo được tạo thành bởi nhiều yếu tố: giáo lí, giáo luật, giáo hội, nghi lễ thờ phụng, cơ sở thờ tự, v.v.. Giáo lí của đạo Phật gồm Tam tạng kinh điển (kinh Phật, kinh Luật, kinh Luận). Giáo luật của Phật giáo gồm các giới luật cho tăng ni. Phật giáo là tôn giáo có từ khi Đức Phật tại thế. Đứng đầu giáo hội là Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni.

Ba yếu tố cơ bản có ý nghĩa quyết định nhất của sự hình thành và tồn tại của Phật giáo là Tam bảo (Phật – Pháp – Tăng). Để trở thành Phật tử, người xuất gia hoặc tại gia phải làm lễ quy y Tam bảo với nghi thức nhà Phật. Phật tử, để có thể tu Phật, đạt tới giác ngộ Phật, không phải chỉ quy (theo), mà còn phải phụng sự đạo suốt đời. Phụng sự đạo (phụng đạo) là phải toàn tâm, toàn ý tu đạo, thực hành pháp tu Bát chính đạo, thực hiện giữ giới, nghe theo lời dạy của sư tăng bề trên. Tu hành thực hiện đạo pháp là việc không dễ. Phật tử chân chính phải bắt đầu từ nhận thức về con đường tu đạo, từ đó phải “dẫn thân”, tự giác tu tập theo các pháp môn. Sự từ bỏ cuộc sống nhung lụa, từ bỏ vương quyền, hạnh phúc gia đình của Thái tử Tất Đạt Đa để tìm đường giải thoát khỏi sự khổ của mình và của chúng sinh là tấm gương mẫu mực để Phật tử noi theo. Ở Việt Nam, thời Trần có vua Trần Nhân Tông, khi sự nghiệp đang ở lúc vinh quang nhất thì cũng

là lúc Người rời bỏ ngai vàng và cuộc sống vương giả để bắt đầu đi tìm hạnh phúc vĩnh cửu bằng con đường tu đạo. Từ một quân vương, Trần Nhân Tông trở thành Phật hoàng nhờ tu tập đạo pháp thành công. Đây là hiện tượng hiếm có trong lịch sử thế giới nói chung và lịch sử Phật giáo Việt Nam nói riêng. Sự “phụng đạo” của Phật hoàng Trần Nhân Tông thể hiện ở chỗ, Người không chỉ tự giải thoát cho mình mà còn hoằng pháp thành công, giải thoát cho vô số chúng sinh trên con đường tu đạo. Người đã sáng lập ra thiền phái Trúc Lâm Yên Tử mang bản sắc Đại Việt góp phần đưa Phật giáo thời Trần, trên cơ sở tiếp thu tinh hoa của Phật giáo thời Bắc thuộc và Phật giáo thời Lý, đến đỉnh cao của sự phát triển cả về mặt giáo lý, giáo hội và nghi lễ thờ phụng. Trần Nhân Tông đã có công chủ trương Phật giáo nhập thế, đưa Đạo vào Đời, Đời gắn với Đạo. Phụng đạo là phụng sự đạo pháp, đạo pháp “bất li thế gian giác”, vì thế Đạo phải gắn với Đời. Đời là cuộc sống hiện thực, là sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Các nhà sư thời Lý – Trần không chỉ đạt thành tựu trong tu tập mà còn có công giúp các đấng quân vương đánh tan giặc Tống, giặc Mông – Nguyên. Sự “phụng đạo” của Trần Nhân Tông gắn liền với tư tưởng “yêu nước”, “phụng đạo, yêu nước” thống nhất với nhau, không thể tách rời.

Trong lịch sử dân tộc Việt Nam, sự nghiệp dựng nước luôn gắn liền với sự nghiệp giữ nước. Phật giáo là một bộ phận của văn hóa Việt Nam, lịch sử Phật giáo gắn liền với lịch sử của nước (quốc gia, dân tộc). Muốn tu tập, thực hành đạo pháp, hoằng pháp thành công, không có cách nào tốt hơn là “đồng hành cùng dân tộc”. Đạo với Đời thống nhất với nhau. Đạo ở trong Đời, vì Đời. Đời bao hàm Đạo, vì Đạo. Đạo và Đời có khác biệt về phương thức biểu hiện nhưng giống nhau ở mục đích hướng tới hạnh phúc con người. Phụng Đạo là yêu nước, yêu nước của Phật tử là phụng Đạo. Khi đất nước thanh bình thì phụng Đạo, đáp ứng nhu cầu tinh thần của các tầng lớp người trong xã hội, lúc đất nước lâm nguy, bị giặc xâm lăng thì cùng cả nước làm an lòng dân, chung sức, chung lòng tham gia kháng chiến đánh giặc giữ nước.

Không chỉ “phụng đạo yêu nước”, Phật giáo Việt Nam thời Lý – Trần còn có vai trò “hộ quốc an dân”. Khi đất nước trước nguy cơ bị xâm lăng, các nhà sư thời Lý – Trần như Pháp Thuận, Vạn Hạnh, Lý Khánh Vân, các vua Lý Thánh Tông, Trần Thái Tông, Trần Nhân Tông đều trực tiếp tham gia chính sự, góp trí tuệ, công sức để củng cố, xây dựng khối đoàn kết toàn dân tộc, lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân xâm lược thắng lợi, thể hiện vai trò “hộ quốc” (bảo vệ đất nước) và “an dân” (làm yên lòng dân), xây dựng nền thái bình cho Đại Việt.

Lịch sử Phật giáo thời Lý – Trần là một bộ phận của lịch sử dân tộc. Lúc thái bình cũng như lúc có chiến tranh, trong hoàn cảnh nào, Phật giáo thời Lý – Trần cũng luôn “đồng hành cùng dân tộc”. Từ khi du nhập vào Giao Châu, để tồn tại, Phật giáo đã nhanh chóng thích nghi với hoàn cảnh xã hội của người Việt. Sự tồn tại của Phật giáo qua các giai đoạn lịch sử là cơ sở hình thành truyền thống “Phụng đạo yêu nước, hộ quốc an dân, đồng hành cùng dân tộc” của Phật giáo Việt Nam.

*Cơ sở khách quan* của sự hình thành truyền thống “Phụng đạo yêu nước, hộ quốc an dân, đồng hành cùng dân tộc” của Phật giáo Việt Nam bắt nguồn từ con đường du nhập của Phật giáo. Khác với sự du nhập của Nho giáo, Phật giáo vào Giao Châu bằng con đường giao lưu và tiếp biến văn hóa, bằng phương thức “hòa bình”. Các nhà sư Ấn Độ và Trung Á như: Khương Tăng Hội, Ma Ha Kỳ Vực, Khâu Đà La, Chi Cương Lương, Tỳ Lưu Đa Lưu Chi, ... có công truyền bá Phật giáo vào Giao Châu sớm nhất. Luy Lâu vào khoảng thế kỷ thứ II, thế kỷ III không chỉ là một trung tâm chính trị, kinh tế mà còn là một trung tâm Phật giáo ở phía Nam, được so với hai trung tâm Phật giáo phía Bắc ở Trung Quốc là Bành Thành và Lạc Dương.

Sự hình thành tín ngưỡng Tứ pháp ở Luy Lâu là mẫu mực điển hình của sự giao lưu và tiếp biến văn hóa của người Việt. Tín ngưỡng thờ Tứ pháp là kết quả của quá trình “bản địa hóa Phật giáo” và đồng thời cũng là kết quả của quá trình “Phật giáo hóa tín ngưỡng bản địa” của người Việt.

Trong văn hóa Phật giáo và văn hóa Việt, tuy có sự khác biệt về nguồn gốc hình thành, nội dung thể hiện song có nhiều điểm tương đồng. Điều đó thể hiện rõ trong triết lý nhân sinh của Phật giáo và triết lý nhân sinh của người Việt ở Giao Châu. Tư tưởng chủ đạo trong triết lý nhân sinh của Phật giáo là giải thoát con người khỏi nỗi khổ trần thế. Khi các đệ tử hỏi Phật Tổ: Đạo của Đức Thế Tôn là gì? Phật Tổ nói rằng, nếu nước biển chỉ có một vị mặn thì Đạo của ta chỉ có một vị là giải thoát. Vì thế, không phải ngẫu nhiên mà Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni, sau khi đạt Đạo Giải thoát đã thuyết pháp cho năm người bạn đồng môn về Tứ diệu đế. Tứ diệu đế là chân lý phổ biến về sự khổ của chúng sinh không phân biệt sự khác biệt về chủng tộc, giới tính, đẳng cấp hay văn hóa, tín ngưỡng,... Ở cõi Ta bà, người Việt hay người Ấn đều có sự giống nhau về sự khổ nên cần phải giải thoát khỏi sự khổ. Sự khổ có nguyên nhân là vô minh và tam độc. Nếu trừ diệt hết nguyên nhân của sự khổ, con người sẽ hết khổ và hạnh phúc mãi mãi ở cõi Niết bàn. Có lẽ đây là hằng số chung của văn hóa Phật giáo và văn hóa Việt, là cơ sở của sự giao lưu, tiếp biến của hai nền văn hóa.

Hơn nữa, triết lý nhân sinh của Phật giáo đề cao sự bình đẳng của các tầng lớp người trong xã hội có sự phù hợp với tâm thức người Việt ở Giao Châu. Sự bình đẳng của loài người đã tồn tại hàng chục vạn năm trong xã hội cộng sản nguyên thủy, được duy trì trên nền tảng công hữu về của cải và tư liệu sản xuất của cộng đồng thị tộc, bộ lạc. Tuy nhiên, sự bình đẳng ấy là sự bình đẳng của một xã hội mà con người không khác xa con vật là mấy, họ vẫn còn ở trạng thái “bầy người nguyên thủy”. Khi xuất hiện “nền văn minh” cổ đại cũng là lúc xuất hiện sự bất bình đẳng giữa người với người, do xuất hiện chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và về của cải, xuất hiện giai cấp thống trị và giai cấp bị trị, xuất hiện hình thức cai trị của giai cấp thống trị là nhà nước. Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni là người đi tiên phong đấu tranh cho sự bình đẳng của con người trong xã hội đầy bất công, đau khổ. Theo Ngài, vì trong con người ta chỉ có một dòng máu đỏ, người quý tộc và kẻ tiện nô, do đó, không có gì khác nhau cả. Sự bình đẳng là cái cao quý nhất của con người, do đó, Phật Tổ đã từ bỏ tất cả để dấn thân trên con đường

đấu tranh chống bất công, đau khổ, đòi sự bình đẳng cho chúng sinh. Vì là một tôn giáo, cũng như các tôn giáo khác, Phật giáo chú trọng tới sự đau khổ về tinh thần do sự bất công về kinh tế – xã hội, kéo theo đó là sự bất công về tinh thần trong giao tiếp, ứng xử của các đẳng cấp người trong xã hội. Tư tưởng về bình đẳng của Phật Tổ có sự tương đồng với tư tưởng về bình đẳng trong tuyên ngôn Nhân quyền và dân quyền của cách mạng Pháp, được Hồ Chí Minh tiếp thu và phát triển lên một tầm cao mới trong Tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa: “Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc” (Hồ Chí Minh, 1945).

Phật giáo là “Đạo Từ bi”. Phật Tổ thương yêu, chia sẻ với chúng sinh đang chịu đau khổ bởi sự bất công xã hội, hoặc bởi trạng thái tâm lý không mong muốn, hoặc bởi thân xác được tạo tác bởi ngũ uẩn. Tinh thần “Tứ vô lượng tâm” của Phật giáo có sự tương đồng với tình nhân ái của người Việt. Người Việt vốn “trọng tình, trọng nghĩa” nên trong cuộc sống thường theo lối “chia ngọt sẻ bùi”, “lá lành đùm lá rách”, “bầu ơi thương lấy bí cùng”,... Sự đồng điệu giữa triết lý nhân sinh trong giáo lý của Phật giáo với triết lý nhân sinh trong lễ sống của người Việt cũng là cơ sở của sự hình thành truyền thống “Phụng đạo yêu nước, hộ quốc an dân, đồng hành cùng dân tộc” của Phật giáo Việt Nam thời Lý – Trần.

Yêu nước là một giá trị truyền thống hàng đầu của dân tộc Việt Nam. Yêu nước được thể hiện ở các cấp độ khác nhau từ thấp đến cao: tình cảm yêu nước, tinh thần yêu nước, tư tưởng yêu nước, chủ nghĩa yêu nước cho đến hành động yêu nước. Đối với người Việt Nam, để trở thành Phật tử thì trước hết phải là người yêu nước. Yêu nước, trước hết là yêu quê hương nơi mình sinh ra; yêu cha mẹ, biết ơn cha mẹ, tổ tiên, đồng bào, nhân loại, ơn Tam bảo. Yêu nước là có ý thức trách nhiệm với cộng đồng gia đình, họ tộc, làng xã, nước (với tư cách là quốc gia, dân tộc). Yêu nước, với Phật tử còn là thực hành chính pháp, thực hiện phương châm “đạo pháp bất li thế gian giác”, “tốt đời đẹp đạo”, “phụng đạo, yêu

nước, hộ quốc an dân, đồng hành cùng dân tộc” trong lịch sử.

*Điều kiện chủ quan* của sự hình thành truyền thống “Phụng đạo, yêu nước, hộ quốc, an dân” của Phật giáo Việt Nam được thể hiện rõ trong hoạt động của Phật tử và Giáo hội Phật giáo Việt Nam qua các giai đoạn phát triển.

Phật tử vừa có nghĩa vụ, bổn phận của công dân vừa có nghĩa vụ, bổn phận của mình theo giáo lí, giáo luật và nghi lễ thờ phụng. Trước khi xuất gia, Phật tử còn là con của gia đình, quê hương, đất nước. Cho nên, dù có khác biệt trong phương thức sống, Phật tử và người không phải là Phật tử, trong quan niệm truyền thống, đều gọi là “Lương”. Theo Hồ Chí Minh, đoàn kết Lương – Giáo thực chất là đoàn kết các tầng lớp nhân dân, đoàn kết dân tộc trong kháng chiến chống đế quốc, phong kiến, trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam luôn phụng sự Đạo pháp, phụng sự dân tộc và Tổ quốc Việt Nam. Trong lịch sử, ít có trường hợp Phật giáo đi ngược lại lợi ích dân tộc. Nếu có chỉ là hiện tượng cá biệt mang tính cá nhân hoặc mang tính cục bộ, riêng lẻ của tổ chức Phật giáo mà tổ chức (môn phái) ấy không chiếm vai trò chủ đạo, không ảnh hưởng tới uy tín và vai trò của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Tư tưởng và hành động xuyên suốt của Giáo hội Phật giáo Việt Nam và của Phật tử là gắn bó với vận mệnh của dân tộc, “đồng hành cùng dân tộc”. Thiền Sư Khuông Việt, Vạn Hạnh, Lý Khánh Vân thời Lý, vua Trần Thái Tông, Tuệ Trung Thượng sĩ, Phật Hoàng Trần Nhân Tông thời Trần,... là những biểu tượng tập trung nhất của truyền thống “Phụng đạo, yêu nước, hộ quốc an dân, đồng hành cùng dân tộc” của Phật giáo Việt Nam thời Lý – Trần.

### **3.2. Biểu hiện của truyền thống “Phụng đạo yêu nước, hộ quốc an dân, đồng hành cùng dân tộc” của Phật giáo Việt Nam thời Lý – Trần**

Truyền thống “Phụng đạo yêu nước, hộ quốc an dân, đồng hành cùng dân tộc” của Phật giáo Việt Nam thời Lý – Trần được biểu hiện rõ nét trên các phương diện tổ chức giáo hội, tu tập và hoàng pháp.

Về tổ chức Giáo hội, Phật giáo Việt Nam thời Lý – Trần là sự tiếp nối và phát triển Phật giáo Việt Nam thời Bắc thuộc và thời Ngô, Đinh, Tiền Lê. Chức tăng thống có từ thời Đinh. Năm 917, Đinh Tiên Hoàng là vị vua đầu tiên phong cho thiền sư Ngô Chân Lưu chức tăng thống (người đứng đầu giáo hội). Cùng với đó, các chức tăng lục, tăng chính, đại diện quan trong hệ thống tổ chức giáo hội được hợp pháp hóa. Điều đó đã khẳng định vị trí và vai trò của tăng lữ trong xã hội.

Lý Công Uẩn là người được giới tăng lữ ủng hộ, lập ra nhà Lý tồn tại tám đời vua (Lý Bát Đế) từ năm 1009 đến năm 1225, đã tiếp nối tinh thần trọng Phật trước đó, duy trì nếp cũ trong ứng xử với hàng tăng sĩ của nhà Đinh và nhà Tiền Lê. Nhà Lý đặt thêm chức *quốc sư* cho các tăng sư có vai trò là thủ lĩnh tinh thần, là thầy dạy đạo cho Phật tử ở cấp độ quốc gia. Các thiền sư uyên thâm về đạo pháp, có đức hạnh, có công trong sự nghiệp hoàng dương Phật pháp được vua Lý phong cho chức vị quốc sư là Vạn Hạnh, Khô Đầu, Không Lộ, Thông Biện, Viên Chiếu.

Thời Lý – Trần cũng là thời đại Phật giáo có sự phát triển mạnh mẽ về số lượng và chất lượng của những người xuất gia tu Phật. Nhà Lý chủ trương khuyến khích, chọn người ưu tú trong dân chúng cho xuất gia. Lý Thái Tổ cho phép nhiều tăng sĩ tu học, cấp ruộng và người làm cho các chùa. “Năm 1016, hơn 1.000 người ở kinh đô Thăng Long được tuyển chọn để xuất gia làm tăng sĩ và đạo sĩ... Vào cuối đời Lý, năm 1198, số tăng sĩ tăng lên nhiều quá... vì thế sinh ra “tệ lậu” trong giới xuất gia, buộc vua Lý Cao Tông cho chọn lọc và sa thải bớt số người không xứng đáng” (Nguyễn Lang, 2019). Đến thời Trần (1225 – 1400), số lượng Phật tử tăng đáng kể. “Giới đàn ba năm được tổ chức một lần và mỗi lần số người xin thụ giới bị sa thải có đến hàng nghìn người. Tính đến năm 1329, số tăng sĩ được xuất gia trong những giới đàn do giáo hội Trúc Lâm tổ chức dưới quyền lãnh đạo của Pháp Loa là trên 15.000 vị” (Nguyễn Lang, 2019). Cùng với sự gia tăng về số lượng người xuất gia tu hành, số chùa chiền được xây dựng khá nhiều. Ngô Thời Nhậm trong sách *Tam tổ hành trạng* nói rằng, có hơn 800 ngôi chùa. “Về tự viện, năm 1313 có tới trên 100 ngôi chùa thuộc vào giáo hội

Trúc Lâm” (Nguyễn Lang, 2019). Thời Lý, Lý Thái Tổ cho xây tám ngôi chùa ở phủ Thiên Đức, tỉnh Bắc Ninh, cho xây chùa Hưng Thiên Ngự, chùa Vạn Tuế ở Thăng Long. Năm 1129, vua Lý Thần Tông khánh thành 84.000 bảo tháp bằng đất. Năm 1134, vua lại cho khánh thành ba tượng tam tôn bằng vàng. Thời Trần, Pháp Loa cho xây năm cây bảo tháp, 200 tầng đường, đúc 1.300 chuông đồng. Những công trình kiến trúc độc đáo của Phật giáo thời Lý – Trần như: chùa Một Cột, chùa Phật Tích, tháp Báo Thiên, chuông Quy Điền, vạc Phổ Minh, tượng Quỳnh Lâm,... được coi là biểu tượng của Phật giáo thời Lý – Trần. “Sự phát triển của tổ chức giáo hội còn biểu hiện ở sự nghiệp hoằng pháp. Khóa giảng năm 1332 ở chùa Báo Ân... có tới trên 1.000 người đi nghe” (Nguyễn Lang, 2019).

Thời Lý – Trần hoạt động biên dịch và phổ biến kinh sách được chú trọng. Các vua nhà Lý nhiều lần cho người sang Trung Quốc thỉnh Đại tạng kinh, cho dựng nhà tàng kinh Trấn Phúc năm 1011, nhà tàng kinh Bát Giác năm 1021, nhà tàng kinh Trùng Hưng năm 1034 để chứa kinh điển Phật giáo.

Phật giáo thời Lý – Trần mang tính nhập thế rất rõ. Các nhà sư không chỉ “phụng đạo” mà còn chú ý tới thế sự. Khi xã hội có nhu cầu, sư tăng sẵn sàng phò vua, giúp nước, tham gia vào các lĩnh vực chính trị, ngoại giao, từ thiện.

Khi nhà Đinh suy vi, đất nước đứng trước nguy cơ bị nhà Tống mang quân xâm lược, giới tăng lữ đã có công ủng hộ Lý Công Uẩn lên ngôi, mở ra một thời đại phát triển rực rỡ của nước Đại Việt. Các thiền sư thời Lý như: Pháp Thuận, Lý Khánh Vân, Vạn Hạnh, Huệ Sinh, Thường Chiếu, Mãn Giác, Chân Không, Giác Hải, Không Lộ,... đã ý thức về xây dựng quốc gia độc lập tự chủ, sử dụng có hiệu quả tri thức Phật học và tri thức Nho học, Đạo học, tham vấn trực tiếp và gián tiếp cho vua, lập kế hoạch, thảo văn thư, tiếp đoàn sứ của nhà Tống, luận bàn những quyết sách về kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao, văn hóa,... góp phần làm an lòng dân, xây dựng khối đoàn kết, ổn định, củng cố và phát triển xã hội.

Trần Thái Tông, vào năm Bính Thân 1236, do bị Trần Thủ Độ ép bỏ vợ để lấy chị

dâu là Thuận Thiên công chúa (vợ của Trần Liễu) đang có mang, đã bỏ Thăng Long, chạy lên chùa Yên Tử định đi tu. Song khi nghe Quốc sư ở chùa Yên Tử khuyên: “Phàm làm đấng nhân quân, thì phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình và tâm thiên hạ làm tâm của mình. Nay thiên hạ muốn đón bệ hạ, không về sao được? Tuy nhiên, sự nghiên cứu nội điển xin bệ hạ đừng bao giờ quên” (Nguyễn Lang, 2019). Thiền sư Viên Thông thời Lý có tư vấn cho vua Lý Thần Tông về đạo trị nước bằng cách coi trọng đạo đức: “Trị và loạn cũng do ở sự dùng người; nếu có người tốt giúp rập thì trị, mà không có thì loạn” (Nguyễn Lang, 2019).

Rất nhiều vua thời Lý – Trần, lúc trẻ thì gánh vác việc giang sơn, về cuối đời đều xuất gia tu hành. Khi có chiến tranh thì tham gia việc nước, khi đất nước thanh bình, họ lại về chốn chùa chiền tu Đạo, phụng Đạo. Trần Nhân Tông là một mẫu mực của vị quân vương đã có công lãnh đạo quân dân Đại Việt đánh thắng quân Mông – Nguyên, cũng là người có công lập ra thiền phái Trúc Lâm Yên Tử mang tinh thần nhập thế, gần Đạo với Đời.

Các nhà sư thời Lý – Trần không chỉ góp phần làm ổn định và phát triển xã hội mà còn làm tốt phong hóa bằng trí tuệ và đạo đức. Nhìn chung, các đấng quân vương đều có đạo đức và đời sống tâm linh, có lòng từ bi, độ lượng với dân và đối với cả kẻ thù địch. Dường như tinh thần vị tha của Phật đã thấm thấu, trở thành đường lối chính trị, thành nền chính trị nhân bản. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* có ghi lại lời của vua Lý Thánh Tông: “Lòng ta yêu con ta, cũng như lòng cha mẹ dân yêu dân, dân không biết mà mắc vào hình pháp, ta rất lấy làm thương. Từ nay về sau, không cứ gì tội nặng hay nhẹ, đều nhất luật khoan giảm” (Nguyễn Lang, 2019). Vua Lý Thái Tông đã tha tội nổi loạn của Nùng Chí Cao. Vua Lý Thánh Tông cũng đã tha cho vua Chiêm Thành là Chế Củ. Trong bài *Quốc tộ*, sư Pháp Thuận đã khái quát được nền chính trị nhân văn thời Lý:

*Vạn nước như mây cuốn  
Trời Nam ôm thái bình  
Đạo đức ngự cung điện  
Muôn xứ hết đao binh*

Thiền sư Viên Thông thời Lý đã ân cần nói với vua về đường lối vương đạo trong thuật trị quốc, bằng cách trọng đức, an dân: “Bậc thánh vương đời xưa biết thế nên mới bắt chước đức của trời mà tu thân không ngừng, noi theo đức của đất mà an dân không nghỉ... An dân là kính trọng kẻ dưới, hải hùng như cưỡi ngựa nắm dây cương mục. Theo đó thì hưng mà không theo thì vong. Sự hưng vong chỉ từ từ mà xây đến” (Nguyễn Lang, 2019).

Theo Nguyễn Lang (2019): “Với những nhà chính trị có từ tâm và những người xuất gia biết lo giáo dục sự thực hành đạo từ bi trong dân chúng, đời sống xã hội đời Lý trở thành thuần từ và đẹp đẽ. Đạo đức và từ bi đã không làm cho dân nghèo nước yếu; trái lại, những yếu tố này đã tạo nên sự phú cường”.

“Sự hình thành của nhiều tông phái, hệ phái Phật giáo, với tinh thần sùng thượng Phật giáo thấm đượm trong các sinh hoạt văn hóa chốn cung đình lẫn dân gian, Phật giáo thời Lý đã góp phần quan trọng vào việc hình thành đường lối trị quốc an dân...” (Hòa Thượng Thích Thanh Điện, 2021).

Bằng các sáng tác thơ thiền, sự đóng góp của các thiền sư thời Lý – Trần trong lĩnh vực văn hóa với sự phát triển xã hội cũng rất đáng kể. Các bài kệ của Pháp Thuận, Vạn Hạnh, Mãn Giác, Ngô Ấn, Viên Thông,... không chỉ chuyển tải tư tưởng triết học Phật giáo về bản thể, nhân sinh và nhận thức mà còn là những áng thơ thiền hay về phong cảnh hữu tình góp phần hình thành nền văn hóa Phật giáo.

Truyền thống “Phụng đạo yêu nước, hộ quốc an dân, đồng hành cùng dân tộc” của Phật giáo thời Lý – Trần được biểu hiện sinh động trong mọi mặt của đời sống xã hội. Điều đó góp phần khẳng định vị thế và vai trò của Phật giáo thời Lý – Trần trong lịch sử dân tộc.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay với đường hướng “Đạo pháp – Dân tộc và Chủ nghĩa xã hội” đã và đang phát huy truyền thống “Phụng đạo yêu nước, hộ quốc an dân, đồng hành cùng dân tộc” của Phật giáo thời Lý – Trần trong thực hiện mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

#### 4. KẾT LUẬN

Từ thế kỉ X đến thế kỉ XV là thời kì xây dựng, củng cố và phát triển nhà nước phong kiến Việt Nam độc lập, tự chủ. Để xây dựng và củng cố vương triều, giai cấp địa chủ phong kiến thời Lý – Trần (1009 – 1400) đã lấy Tam giáo làm hệ tư tưởng, là công cụ tinh thần để quản lí xã hội. Phật giáo, với ưu thế của mình đã giúp nhà cầm quyền “thu phục nhân tâm”, làm an lòng dân, xây dựng và phát triển tinh thần đoàn kết toàn dân trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước.

Thời Lý – Trần, Phật giáo là quốc giáo, được tạo điều kiện để phát triển. Đội ngũ trí thức Phật giáo được đề cao và trọng dụng trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Các tăng sĩ không chỉ là các nhà tu hành, còn là các bậc trí thức, nhà chính trị, nhà văn hóa, ngoại giao có đóng góp nhiều cho các triều đại phong kiến Việt Nam trong quản lí, điều hành các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Phật giáo thời Lý – Trần mang tính nhập thế, không chỉ “phụng đạo” mà còn “yêu nước”, “hộ quốc an dân”, “đồng hành cùng dân tộc” đóng góp to lớn vào sự nghiệp xây dựng, phát triển quốc gia phong kiến Việt Nam độc lập, tự chủ từ thế kỉ XI đến thế kỉ XV.

Hiện nay, Phật giáo Việt Nam đã và đang phát huy có hiệu quả truyền thống “Phụng đạo yêu nước, hộ quốc an dân, đồng hành cùng dân tộc”, góp phần tích cực trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I*. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Hòa Thượng Thích Thanh Điện. (2021). *40 năm chặng đường lịch sử của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1981 – 2021)*. Hà Nội: Nxb Khoa học xã hội.
- Hồ Chí Minh. (1945). *Tuyên ngôn độc lập*.
- Nguyễn Lang. (2019). *Việt Nam Phật giáo sử luận, tập I*. Hà Nội: Nxb Hồng Đức.
- Nguyễn Phú Trọng. (2022). *Một số vấn đề lí luận và thực tiễn về Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.